

Bản án số: **76/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/7/2024
V/v “Ly hôn giữa chị N với anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.
2. Ông Lê Văn Đạo.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị Tú N**, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4 (Giồng Sâu), xã TLT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Chị Tú N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 22/4/2024.

***Bi đơn:** **Phạm Hữu T**, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã BT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/02/2024, bản tự khai ngày 22/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Tú N trình bày:

Chị Nguyễn Thị Tú N với anh Phạm Hữu T tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT vào năm 2022. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung có hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm

trong cuộc sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hữu T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Khả N1, sinh ngày 01/4/2023. Hiện nay, cháu N1 đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Phạm Hữu T trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ N1ng anh T đều vắng mặt không có lý do, mặc dù anh T vẫn còn đang sinh sống tại địa phương, nên Tòa án không thu thập được lời khai.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú N thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy Nên bị đơn Phạm Hữu T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú N đối với anh Phạm Hữu T.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Tú N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khả N1, sinh ngày 01/4/2023.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có, anh T cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Tú N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Phạm Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử N1ng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị Tú N và anh Phạm Hữu T cưới nhau vào năm 2022, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng N1 lời khai của chị N trong quá trình giải quyết vụ án xác định cuộc sống vợ, chồng giữa chị N với anh T đã phát sinh Nều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau và đã ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Toà án đã triệu tập chị N và anh T để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng N1ng anh T vắng mặt không lý do, đồng thời chị N cũng có yêu cầu xét xử vắng mặt cho thấy hai bên đã không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị N với anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Cháu Phạm Khả N1, sinh ngày 01/4/2023 đã sống chung với chị N từ nhỏ, chị N chăm sóc cháu N1 phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Phạm Khả N1 để chị N trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Tú N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có, anh T cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BD về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với quy định của pháp luật cũng N1 nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Tú N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú N đối với anh Phạm Hữu T.

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tú N với anh Phạm Hữu T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tú N với anh Phạm Hữu T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Tú N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khả N1, sinh ngày 01/4/2023.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Tú N không yêu cầu anh Phạm Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Hữu T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Tú N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Phạm Hữu T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Tú N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) N1ng được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu T số 0003333 ngày 15 tháng 2 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

N1 vậy, chị Nguyễn Thị Tú N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự chị Nguyễn Thị Tú N, anh Phạm Hữu T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã BT
(Số 91 ngày 29/11/2022);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi